

Bản án số: **91/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 12 - 03 - 2019
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 35, ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 35, ấp T, N, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà H có mặt; ông S vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Lê Thị Mỹ H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông S tự tìm hiểu, quen biết và được hai gia đình cho tiền đến hôn nhân năm 2009, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/10/2015. Khoảng đầu năm 2018 ông S có quan hệ với người phụ nữ khác, hay vắng nhà, thiếu sự quan tâm chăm lo gia đình và còn có hành vi bạo lực. Xét tình cảm không còn, bà H xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 21/01/2011 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 17/10/2017. Cháu G sinh hiện

sống cùng ông S, cháu H1 hiện sinh sống cùng bà H.

Bà H yêu cầu được nuôi dạy cháu H1 sau ly hôn, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không tham gia phiên họp công khai, tài liệu chứng cứ và hòa giải, nên không thể ghi nhận ý kiến của ông S.

Về chứng cứ:

Bà Nguyễn Thị H cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội; Trích lục khai sinh các cháu Nguyễn Thị Ngọc G, và Nguyễn Thị Ngọc H1; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Nguyễn Thanh S; Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Mỹ H.

Theo yêu cầu của bà H, Tòa án tiến hành xác minh. Theo cung cấp của Công an xã N, thì ông Nguyễn Thanh S vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 35, ấp T, xã N. Theo ông Nguyễn Văn H2 (cha của Nguyễn Thanh S), thì ông S hiện đi làm thuê ở Bình Dương, vẫn thường về nhà. Việc bà H xin ly hôn ông S có biết. Về mối quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm và con chung giữa bà H với ông S đúng theo trình bày của bà H. Cháu G hiện sinh sống cùng vợ chồng ông và đang học Trường Tiểu học “A” N.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/03/2019, cháu Nguyễn Thị Ngọc G có nguyện vọng sống với cha sau khi ông S, bà H ly hôn.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nuôi dạy cháu H1, rút lại yêu cầu cấp dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông S vắng mặt lần thứ hai không lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt ông S là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ H với ông Nguyễn Thanh S đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Mỹ H. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc G cho ông S nuôi dạy; giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H1 cho bà H nuôi dạy sau ly hôn. Công nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Ông S đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông S đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt đối với ông S là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ H với ông Nguyễn Thanh S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm ngày 15/10/2015. Bà H xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung; ông S có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về tình cảm: Bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm là do ông S có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo gia đình, đồng thời còn có hành vi bạo lực gia đình. Gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông S không sửa đổi. Qua xác minh cho thấy, việc ông S có quan hệ với người phụ nữ khác là có căn cứ. Việc này đã gây bức xúc cho cả hai gia đình; xúc phạm nặng nề về tình cảm đối với bà H và bà H đã về gia đình cha mẹ ruột sinh sống, ly thân với ông S từ khoảng đầu năm 2018. Ông S có biết việc bà H xin ly hôn nhưng cũng không có thiện chí đoàn tụ. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà H với ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 21/01/2011 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 17/10/2017. Cháu G hiện sinh sống cùng ông S, cháu H1 hiện sinh sống cùng bà H. Bà H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dạy cháu H1, còn cháu G bà đồng ý để ông S tiếp tục nuôi dạy. Qua xác minh xét thấy cháu G được nuôi dạy tốt, đang học lớp 2 Trường Tiểu học "A" N; đồng thời cháu G cũng có nguyện vọng sống cùng ông S, nên để ông S tiếp tục nuôi dạy sẽ ổn định tâm sinh lý của cháu. Đối với cháu H1 còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), nên để bà H nuôi dạy là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu cấp dưỡng, nên công nhận sự tự nguyện này của bà H. Còn đối với ông S, nếu có yêu cầu cấp dưỡng thì được khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tuy nhiên, bà H, ông S cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ai trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông S có tài liệu, chứng cứ chứng minh là có tài sản chung hoặc nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ông S có yêu cầu thì sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 17/10/2017; ông Nguyễn Thanh S được nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 21/01/2011.

Công nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0010874 ngày 04/12/2018. (Bà H đã nộp đủ).

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Án tuyên công khai, bà Lê Thị Mỹ H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/03/2019); Ông Nguyễn Thanh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

